

Số: 61/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

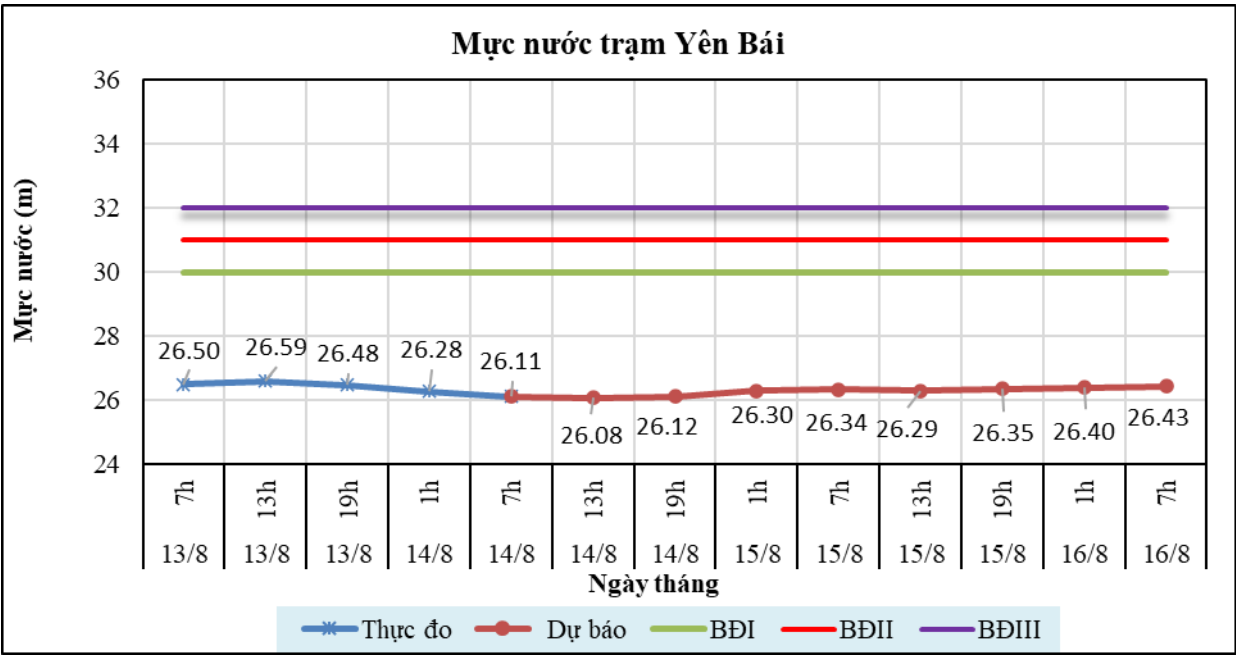
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

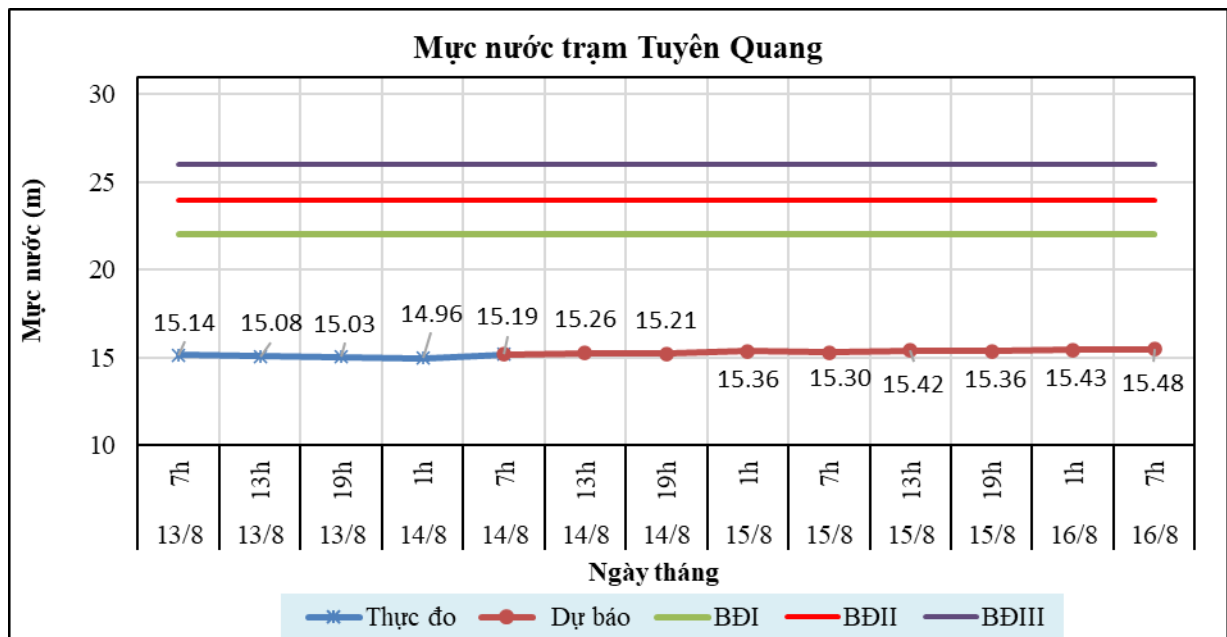
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

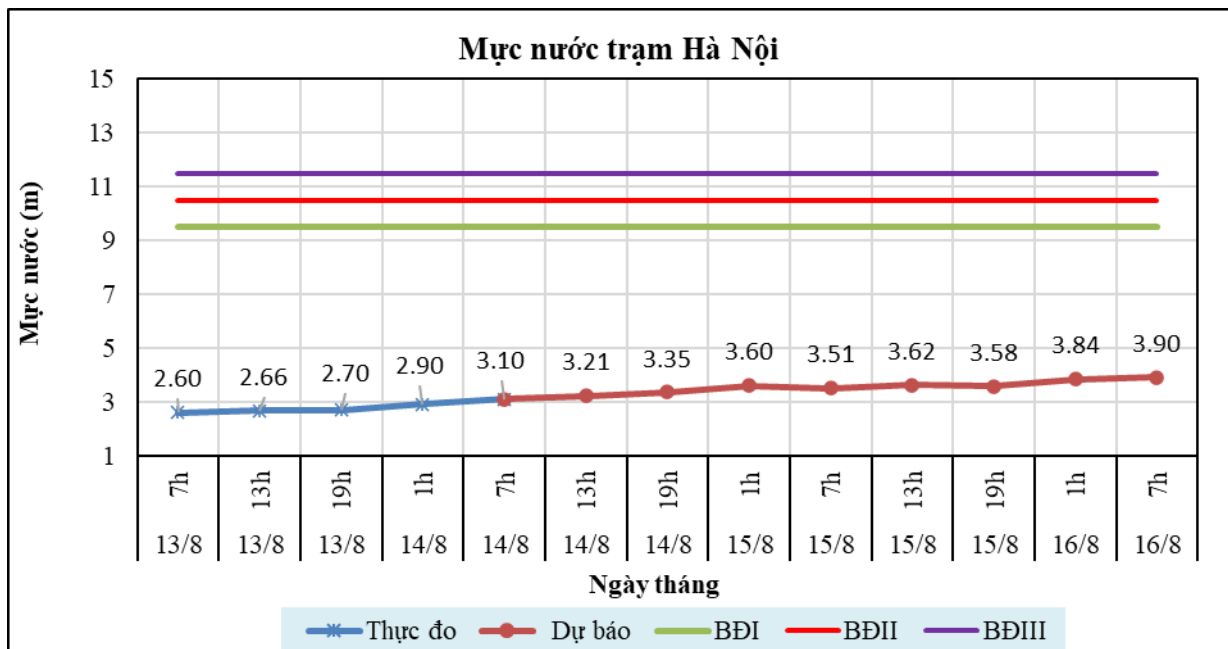
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

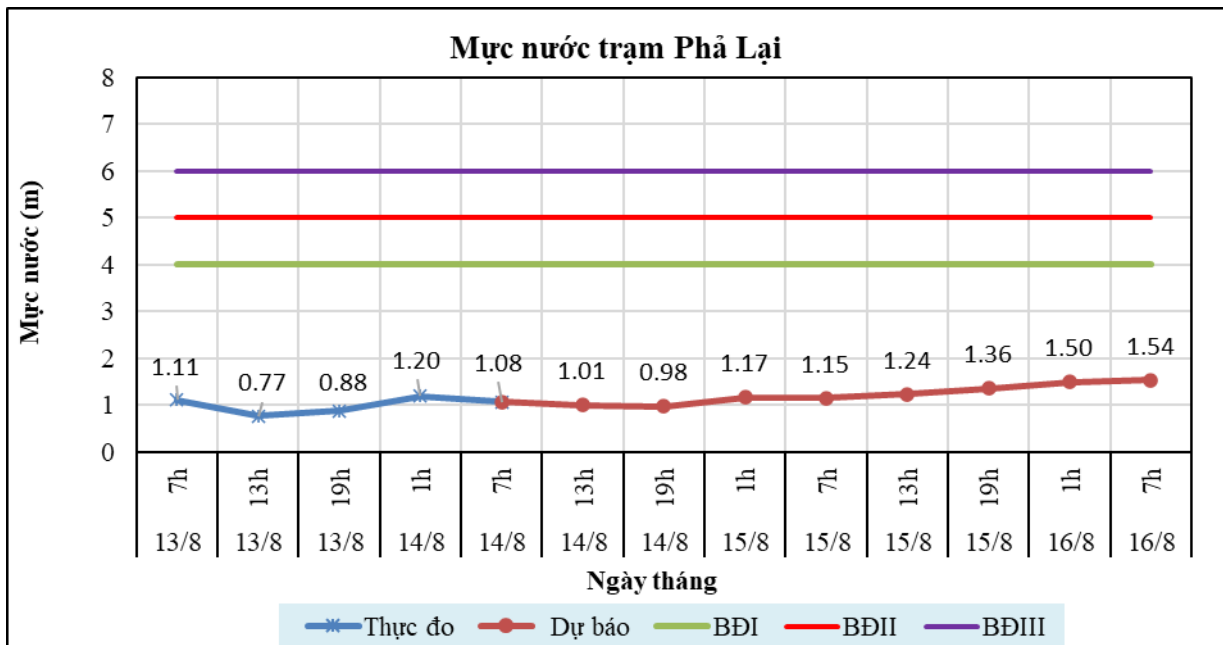
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế tăng.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

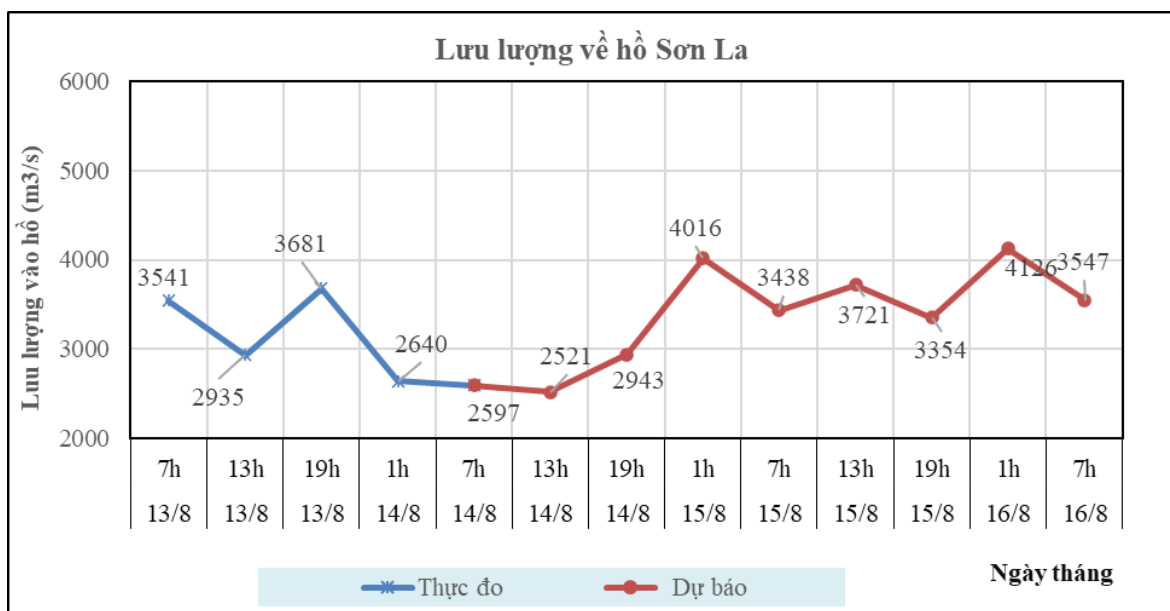
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

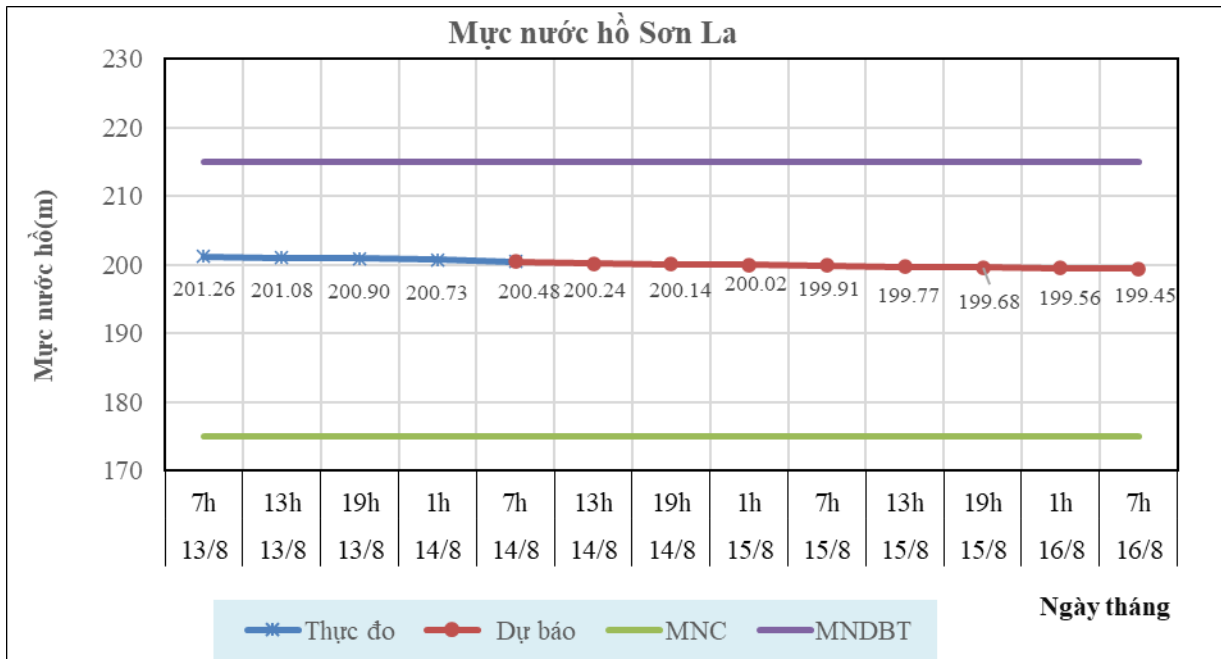
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 14/08/2025 đạt $2597\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 200,48m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3438\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 199,91m, 48h tới lưu lượng đạt $3547\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 199,45m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

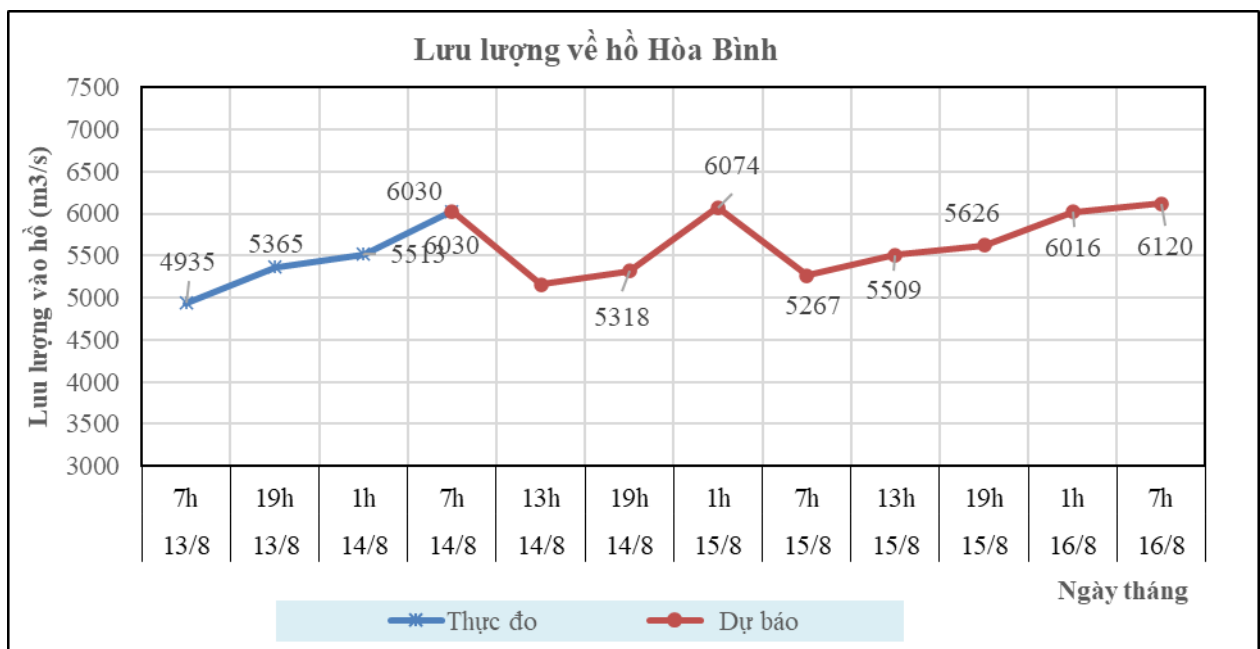
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

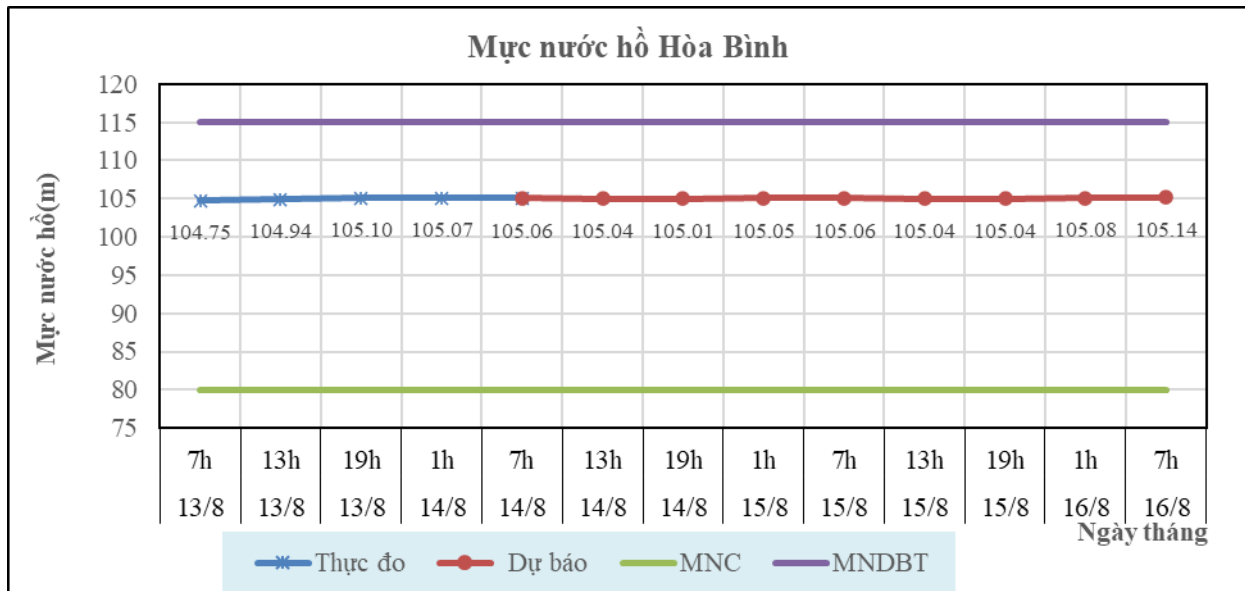
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 14/08/2025 đạt $6030\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 104,75m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $5267\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,06m, 48h tới lưu lượng đạt $6120\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,14m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

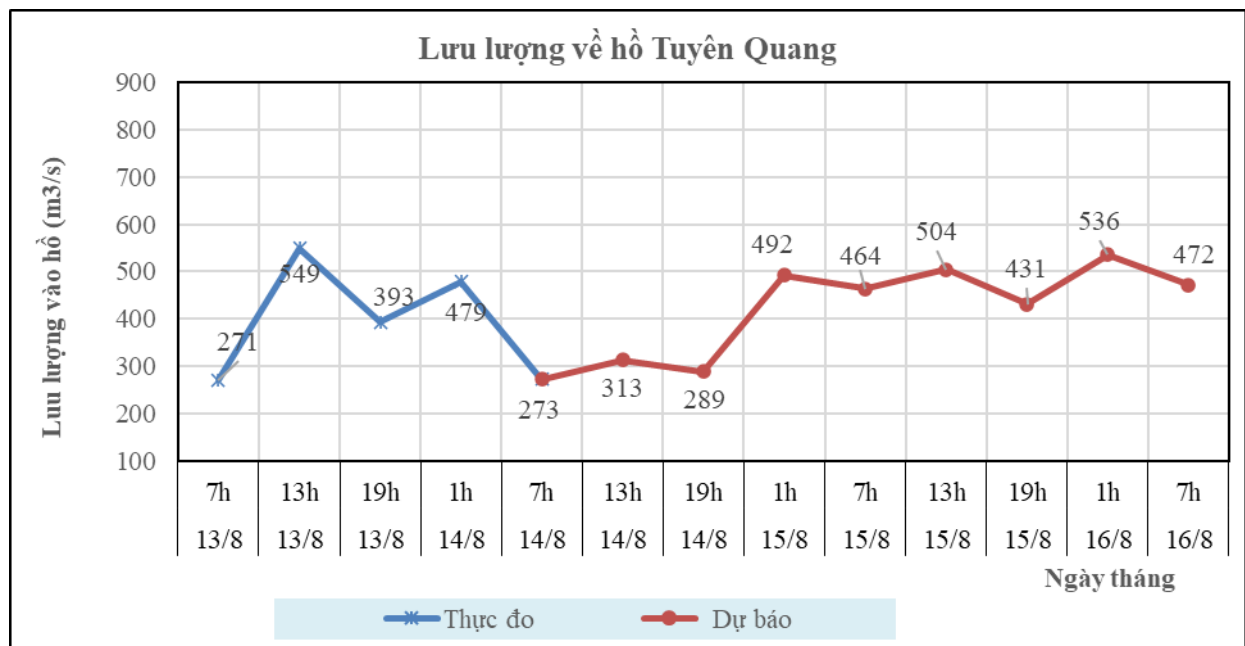
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

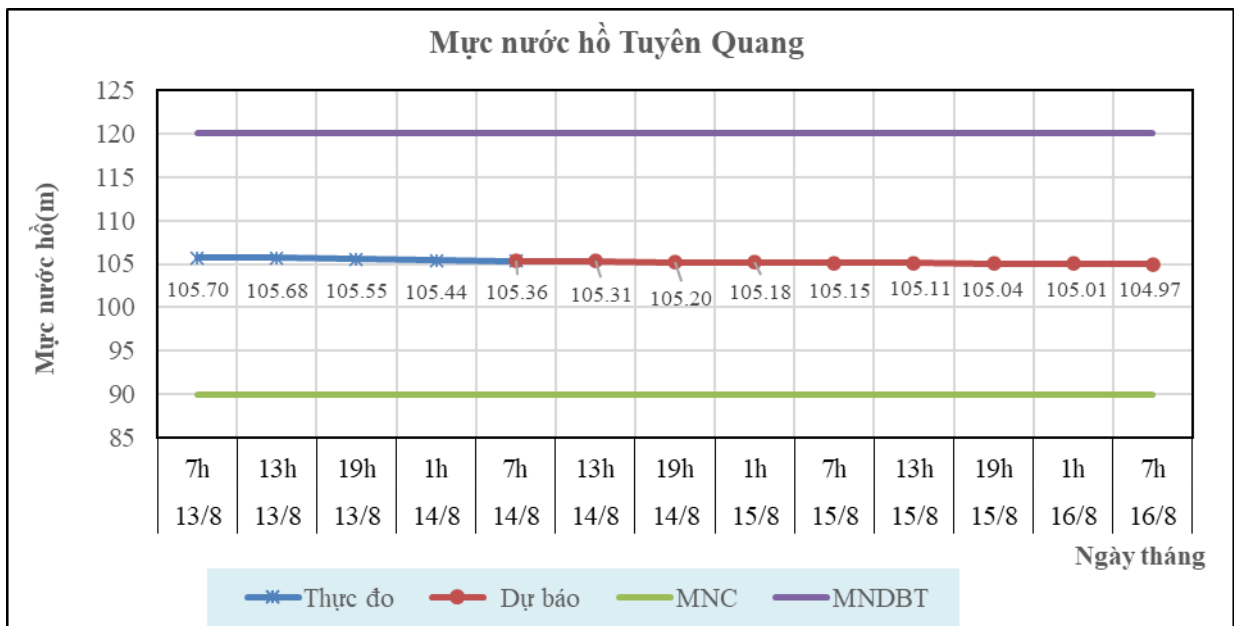
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 14/08/2025 đạt $273\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,36m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $464\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,15m, 48h tới lưu lượng đạt $472\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 104,97m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

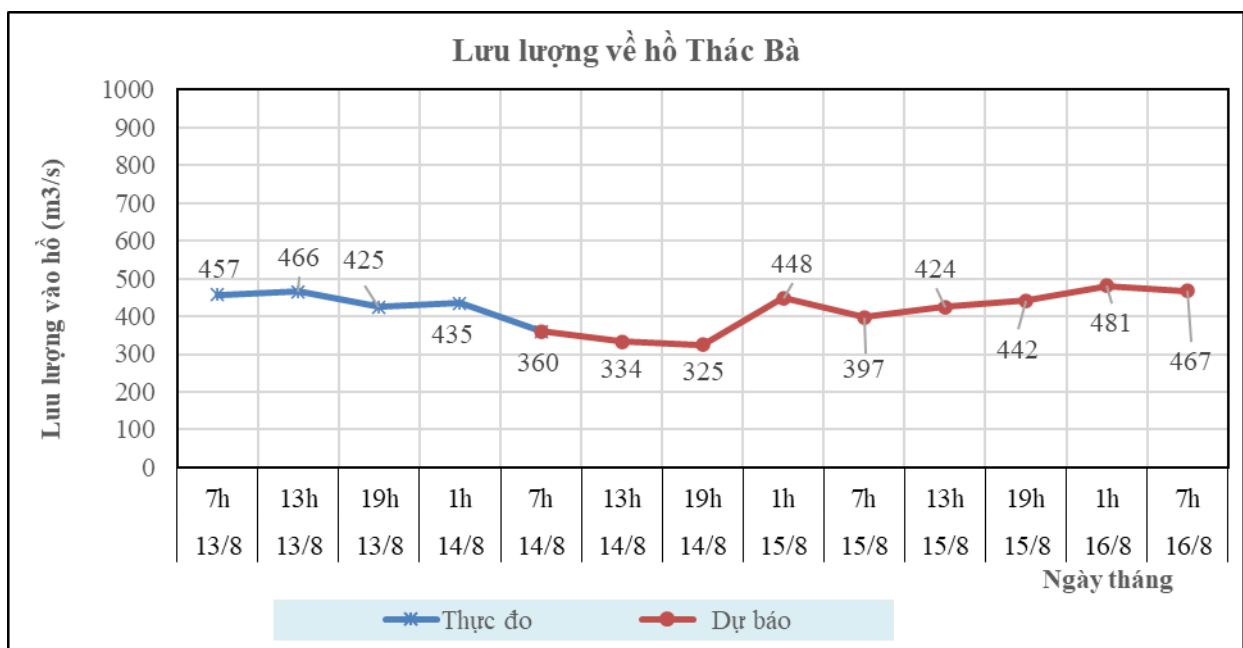
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

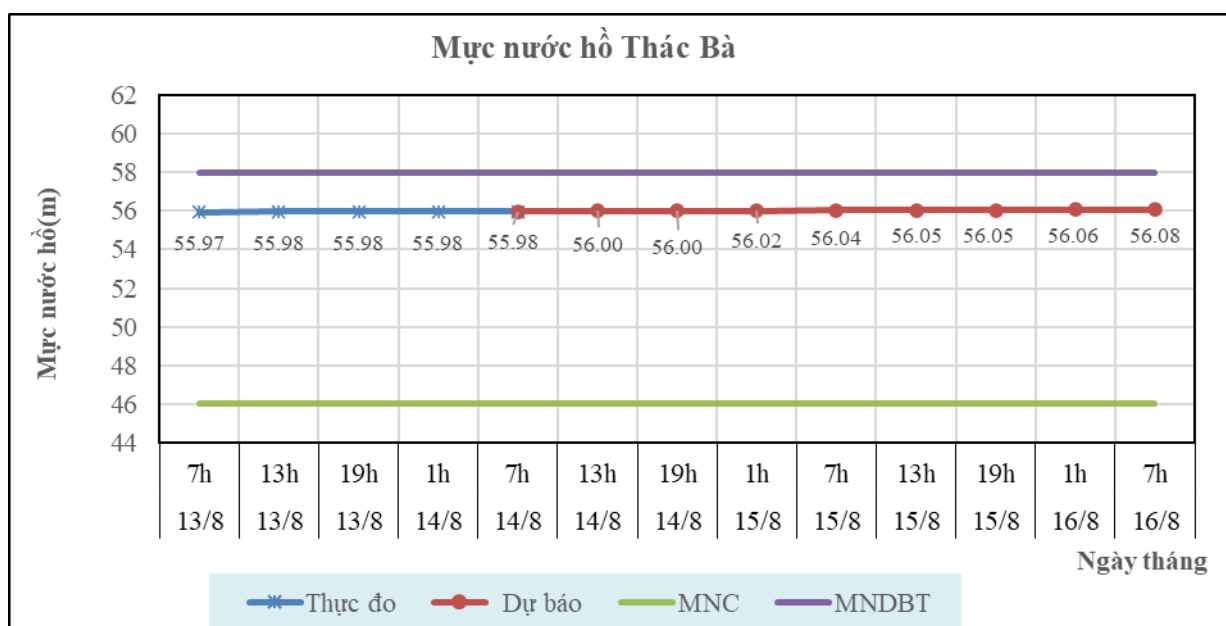
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 14/08/2025 đạt $360\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 55,97m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $397\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,04m, 48h tới lưu lượng đạt $467\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,08m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

ST T	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	8/14/2025	13h	1	0	2521	4750	200.24	2	0	5155	5500	105.04	0	0	313	710	105.31	0	0	334	421	56.00
2		19h	1	0	2943	4790	200.14	2	0	5318	5560	105.01	0	0	289	715	105.20	0	0	325	435	56.00
3	8/15/2025	1h	1	0	4016	4820	200.02	2	0	6074	5540	105.05	0	0	492	718	105.18	0	0	448	440	56.02
4		7h	1	0	3438	4850	199.91	2	0	5267	5520	105.06	0	0	464	430	105.15	0	0	397	0	56.04
5		13h	1	0	3721	4760	199.77	2	0	5509	5580	105.04	0	0	504	713	105.11	0	0	424	414	56.05
6		19h	1	0	3354	4780	199.68	2	0	5626	5560	105.04	0	0	431	715	105.04	0	0	442	420	56.05
7	8/16/2025	1h	1	0	4126	4810	199.56	2	0	6016	5545	105.08	0	0	536	716	105.01	0	0	481	440	56.06
8		7h	1	0	3547	4830	199.45	2	0	6120	5535	105.14	0	0	472	440	104.97	0	0	467	0	56.08